TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM D, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 395/2024/DS-ST
Ngày 30 - 12- 2024
V/v tranh hợp đồng hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM D, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hồ Thanh Phong

Ông Nguyễn Văn Hiển

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là thư ký Toà án nhân dân huyện Đầm D.

Ngày 30 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm D xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 788/2024/TLST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2024 về việc "tranh chấp hợp đồng hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 461/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thanh Nh, sinh năm 1967; Địa chỉ cư trú: Ấp Tân L A, xã Tân D, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Anh Châu Huy H, sinh năm 1979; Địa chỉ cư trú: Ấp Tân L, xã Tân D, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Chị Trịnh Thị M, sinh năm 1978; Địa chỉ cư trú: Ấp Tân L, xã Tân D, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn bà Nh trình bày:*

Bà Nh có tham gia hụi do anh H và chị M làm chủ, cụ thể như sau:

- Dây hụi thứ nhất: Loại hụi 1.000.000 đồng, mở ngày 5/5/2023, mỗi tháng khui 1 lần, gồm 36 phần, bà Nh tham gia 02 phần, góp được 17 kì thì đình hụi (ngày 15/10/2024 đình hụi), số tiền được hưởng là 34.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ hai: Loại hụi 1.000.000 đồng, mở ngày 30/02/2024, mỗi tháng khui 1 lần, gồm 36 phần, bà Nh tham gia 02 phần, góp được 7 kì thì đình hụi (ngày 15/10/2024 đình hụi), số tiền được hưởng là 14.000.000 đồng, không

nhớ số tiền góp hụi.

Sau khi đình hụi chị M và anh H có hứa trả dần nhưng không thực hiện. Nay bà Nh yêu cầu chị M và anh H có nghĩa vụ trả cho bà số tiền hụi 48.000.000 đồng.

** Bị đơn anh H trình bày:*

Qua trình bày của bà Nh về giao dịch hụi, số phần hụi tham gia, thời gian đình hụi là đúng. Do nhiều hụi viên không đóng hụi nên anh và chị M không thể tiếp tục khui hụi mà phải đình hụi. Nay anh đồng ý trả số tiền hụi thực góp cho bà Nh trong các dây hụi nêu trên, cụ thể: Dây hụi mở ngày 5/5/2023 số tiền hụi góp ở mỗi phần là 10.210.000 đồng x 2 phần = 20.420.000 đồng; dây hụi mở ngày 30/02/2024 số tiền hụi góp mỗi phần là 4.370.000 đồng x 2 phần = 8.740.000 đồng. Tổng số tiền hụi bà Nh góp là 29.190.000 đồng, nay anh đồng ý trả cho bà Nh số tiền thực góp và một phần lãi, tổng cộng anh đồng ý trả cho bà Nh 40.000.000 đồng.

Tại phiên toà, bà Nh yêu cầu anh H và chị M trả cho bà số tiền hụi 40.000.000 đồng.

** Đối với chị Trịnh Thị M:* Mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng để biết yêu cầu khởi kiện của bà Nh nhưng không có ý kiến đối với nội dung và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không tham gia hòa giải, xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trịnh Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

Về phạm vi khởi kiện: Theo đơn khởi kiện bà Nh yêu cầu anh H và chị M trả số tiền hụi 48.000.000 đồng, quá trình giải quyết bà Nh thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu anh H và chị M trả số tiền hụi 40.000.000 đồng. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà Nh không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung: Bà Nh khởi kiện yêu cầu anh H và chị M trả số tiền hụi còn nợ 40.000.000 đồng. Thấy rằng, việc bà Nh cho rằng bà có tham gia hụi do anh H và chị M làm chủ và số tiền nợ hụi còn thiếu là có cơ sở, được anh H thừa nhận nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nghĩa vụ thanh toán: Các phần hụi bà Nh tham gia do anh H và chị M làm chủ, chị M không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nh, đến thời điểm này anh H và chị M vẫn còn tồn tại mối quan hệ hôn nhân. Do đó, buộc chị M phải cùng có nghĩa vụ với anh H trả nợ cho bà Nh là phù hợp.

Từ các lập luận nêu trên có có sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nh. Buộc anh H và chị M có nghĩa vụ trả cho bà Nh số tiền hụi 40.000.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự: Bà Nh không phải chịu do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận. Anh H và chị M phải chịu 40.000.000 đồng (40.000000 đồng x 5% = 2.000.000 đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92; Điều 147, Điều 228, khoản 1 Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 471 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thanh Nh. Buộc anh Châu Huy H và chị Trịnh Thị M trả cho ông trả cho bà Nguyễn Thanh Nh số tiền hụi 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bà Nh có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh H và chị M chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng anh H và chị M còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí dân sự: Bà Nguyễn Thanh Nh không phải chịu. Bà Nh đã nộp tạm ứng án phí số tiền 1.200.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002189 ngày 21/11/2024 được nhận lại. Anh Châu Huy H và chị Trịnh Thị M phải chịu 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm D;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm D;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)
Huỳnh Ngọc Mai